

Bản án số: 1084/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Việt Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Vũ Trung Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 584/2016/HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Diệu H – sinh năm 1972

Địa chỉ: Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc L, Luật sư Văn phòng Luật sư P – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng C – sinh năm 1969

Địa chỉ: Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Đường M, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1937

Địa chỉ: Đường L, Phường N, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2016 nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày: Tôi và ông C kết hôn ngày 08/7/1997 tại Ủy ban nhân dân phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại số Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau 15 năm chung sống thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chúng tôi đã sống ly thân

hơn một năm nay. Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 06/7/1998 và Nguyễn Hoàng Ái M, sinh ngày 11/4/2005, khi ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung là căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, ông Nguyễn Hoàng C trình bày: Chúng tôi kết hôn năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chúng tôi sinh sống tại Đường O, Phường Y, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, sau nhiều lần đổi chỗ ở, hiện nay chúng tôi sinh sống tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chung sống được khoảng 17 năm thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng gây gỗ, giận hờn về chuyện ghen tuông trong công việc làm ăn của chúng tôi nên tạo khoảng cách làm cho đôi bên giận, không trao đổi, sửa chữa lỗi lầm của chính mình, nhất là vợ tôi. Trong quan hệ xã hội, tôi có quen một người phụ nữ nhưng mối quan hệ này, chúng tôi đã chấm dứt từ 02 năm nay.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên A, 18 tuổi và Nguyễn Hoàng Ái M, 11 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có những tài sản chung như sau:

- 01 căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Tp Hồ Chí Minh;
- 01 sạp số 232 Khu 2B chợ B;
- 01 sạp 234B Khu 2B chợ B;
- 01 sạp nhang đèn nhờ bà Đào Thị Bích T đứng tên.

Tôi yêu cầu được hưởng  $\frac{1}{2}$  trị giá các tài sản trên là 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Về nợ chung, vợ chồng tôi có nợ Ngân hàng TMCP A số tiền là 2.530.000.000đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị D trình bày: Tôi khẳng định chữ ký trong giấy cam kết về việc tôi trả nợ ngày 22/4/2015 không phải là chữ ký và chữ viết của tôi.

2. Ngân hàng TMCP A do ông Phạm Quốc N là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 22/4/2015 Ngân hàng A cho ông C, bà H vay theo các hợp đồng cấp tín dụng, thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung và các khế ước nhận nợ:

- Số tiền vay: 4.100.000.000đ
- Thời hạn vay, lãi suất chi tiết theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
- Tài sản bảo đảm: Căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cam kết trả nợ của bà Lê Thị D.

Tính đến ngày 11/7/2016 ông C, bà H còn nợ các khoản sau:

- Vốn: 2.000.000.000đ
- Lãi trong hạn: 24.149.972đ
- Lãi quá hạn: 30.848.417đ

- Phạt: 164.079đ

Tổng cộng là: 2.055.162.468đ. Buộc ông C, bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 2.055.162.468đ. Nếu ông C, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được ngân hàng bán theo quy định của pháp luật hoặc ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông C, bà H. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị D liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết về việc trả nợ ngày 22/4/2015.

Ngày 19/9/2017 Ngân hàng TMCP A có đơn xin rút yêu cầu về việc yêu cầu ông C, bà H trả nợ theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng chung số PTH.CN.626.200415 ngày 22/4/2015; thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số 603.200415 ngày 22/4/2015; Khế ước nhận nợ số 2 (STK 196670359) ngày 24/4/2015, khế ước nhận nợ số 4 (STK 197192686) ngày 08/5/2015, khế ước nhận nợ số 5 (STK 207637159) ngày 03/12/2015 và khế ước nhận nợ số 6 (STK 214962859) ngày 19/4/2016.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông C; về con chung tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Ái M, sinh ngày 11/4/2005 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng. Tôi xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; về khoản nợ ngân hàng, chúng tôi đã giải quyết xong.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng C trình bày: Tôi đã cố gắng hàn gắn nhưng bà H không đồng ý nên tôi đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung, tôi đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Ái M, sinh ngày 11/4/2005 và trợ cấp nuôi con 5.000.000đ/tháng; về nợ chung chúng tôi đã trả hết nợ cho ngân hàng. Về tài sản chung: Chúng tôi đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Diệu H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C; về con chung giao trẻ Nguyễn Hoàng Ái M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông C đóng góp nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi trẻ trưởng thành; về tài sản chung và nợ chung các bên đã giải quyết xong.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

+ *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của bà H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về thủ tục tố tụng:

- Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP A vào ngày 19/9/2017 có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập và kèm theo đơn là các tài liệu chứng minh ông C, bà H đã thanh toán xong khoản nợ tại ngân hàng. Do vậy, Tòa án không cần triệu tập Ngân hàng TMCP A và bà Lê Thị D tiếp tục tham gia tố tụng trong vụ án.

- Ông Nguyễn Hoàng C có yêu cầu chia tài sản chung (ngoài căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng ông Nguyễn Hoàng C không nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nên không được xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 quyển số 01/97 ngày 08/7/1997 của Ủy ban nhân dân phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Diệu H và ông Nguyễn Hoàng C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa hôm nay, theo trình bày của bà H thì nguyên nhân dẫn đến việc bà xin ly hôn với ông C là do ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã khuyên răn và cho ông C cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả; phía ông C thừa nhận trong quan hệ xã hội bên ngoài, ông có quen biết với một người phụ nữ khác nhưng ông đã chấm dứt, tuy nhiên giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Và cũng tại phiên tòa hôm nay, mặc dù được Hội đồng xét xử động viên, giải thích để hai bên đoàn tụ để cùng chung sức chăm sóc con chung nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông C vì tình cảm không còn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông C không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 06/7/1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Ái M, sinh ngày 11/4/2005, khi ly hôn ông C đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Ái M và cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi trẻ M trưởng thành.

Về tài sản chung: Do bà H xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà H.

Về nợ chung: Do Ngân hàng TMCP A có đơn xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu ông C, bà H trả nợ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Ngân hàng TMCP A.

Về án phí:

- Bà H phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000đ, số tiền này được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà H đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005995 ngày 26/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà H tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà H đã nộp là 56.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005994 ngày 26/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 36.551.625đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010891 ngày 22/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 56, 58, 63, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

#### **Tuyên xử:**

*1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Diệu H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C.

*- Về con chung:* Giao bà Trần Thị Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Ái My, sinh ngày 11/4/2005. Ông Nguyễn Hoàng C cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi trẻ Nguyễn Hoàng Ái M trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Diệu H về việc chia tài sản chung là nhà đất tại Đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng C, bà Trần Thị Diệu H trả nợ theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng chung số PTH.CN.626.200415 ngày 22/4/2015; thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số 603.200415 ngày 22/4/2015; Khế ước nhận nợ số 2 (STK 196670359) ngày 24/4/2015, khế ước nhận nợ số 4 (STK 197192686) ngày 08/5/2015, khế ước nhận nợ số 5 (STK 207637159) ngày 03/12/2015 và khế ước nhận nợ số 6 (STK 214962859) ngày 19/4/2016.*

*4. Về án phí sơ thẩm:*

- Bà Trần Thị Diệu H phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000đ, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà H đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí số AB/2014/0005995 ngày 26/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Trần Thị Diệu H tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà H đã nộp là 56.000.000đ ( Năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AB/2014/0005994 ngày 26/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 36.551.625đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0010891 ngày 22/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- UBND Phường G, quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Đỗ Việt Hùng**